TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HỒNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HS-ST

Ngày: 07-6-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Văn Tuấn.

Ông Lê Văn Luận.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bá Hồng Tân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2018/TLST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/HSST-QĐ ngày 31 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Văn B, sinh năm 1979 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Ấp T, xã X, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T, không rõ năm sinh (đã chết) và bà Thái Thị Tr, không rõ năm sinh (đã chết); sống chung như vợ chồng với Trần Thị Th, sinh năm 1988 và có 01 con (06 tuổi); tiền án: không, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày 30-01-2018, đến ngày 12-02-2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cho bảo lĩnh; bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Lê Thị M, sinh năm 1958 (đã chết).

Cư trú: Ấp A, xã T, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Thị M:*

1/ Ngô Thị P, sinh năm 1977;

2/ Ngô Văn T, sinh năm 1980;

3/ Ngô Thị L, sinh năm 1983;

4/ Ngô Văn H, sinh năm 1986;

5/ Ngô Thị Đ, sinh năm 1988;

6/ Ngô Thị Đ1, sinh năm 1990.

Cùng cư trú: Ấp A, xã T, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo uỷ quyền của Ngô Văn T, Ngô Thị L, Ngô Văn H, Ngô Thị Đ, Ngô Thị Đ1 là: Ngô Thị P, sinh năm 1977, cư trú: Ấp A, xã T, huyện K, tỉnh Đồng Tháp (có mặt tại phiên tòa).

- *Người làm chứng:*

1/ Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1964 (có mặt);

2/ Trương Thị C, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp A, xã T, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 06 giờ 20 phút ngày 04-10-2017, Trần Văn B điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 89H1 - 0796, dung tích xi lanh 100cm^3 (không có giấy phép lái xe theo quy định) phía sau có chở một cây cốt của máy xe cắt lúa (thanh kim loại màu nâu), xe chạy với tốc độ khoản 40 đến 50 km/h, chạy trên đường ĐT843 hướng từ xã S, huyện Tân Hồng về xã B, huyện Tân Hồng. Khi đến địa phận ấp A, xã T, huyện Tân Hồng thì B nhìn thấy bà Lê Thị M đang đi bộ qua đường từ lề trái qua lề bên phải theo hướng xe B chạy và cách xe B khoảng 20 mét. Lúc này, B tiếp tục điều khiển xe chạy về phía trước cách lề bên phải khoảng 01 mét, B đạp thắng chân và bóp thắng tay nên xe bị chao đảo tạc đuôi vào lề phải, cây cốt của máy xe cắt lúa trúng vào mông bên phải bà M. Hậu quả làm 02 người và xe ngã xuống đường. Sau đó, bà M được chuyển đến Bệnh viện đa khoa huyện Tân Hồng cấp cứu rồi chuyển đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Tháp thì tử vong.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 242/TTh-TTPY ngày 04-10-2017 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Đồng Tháp kết luận nguyên nhân dẫn đến tử vong của bà Lê Thị M do: Nứt sọ, chấn thương sọ não/TNGT.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông ngày 04-10-2017 thể hiện như sau:

- Mặt đường nơi xảy ra tai nạn rộng: 5,76 mét.

- Vị trí điểm va chạm giữa bà M và xe mô tô biển kiểm soát: 89H1 - 0796, từ tâm điểm va chạm đo vào lề phải theo chiều đi từ xã S, huyện Tân Hồng về xã B, huyện Tân Hồng là 1,66 mét.

Vật chứng của vụ án thu giữ được gồm:

- 01 cây cốt của máy xe cắt lúa (thanh kim loại màu nâu) dài 73cm. Một đầu có kích thước 04cm x 05cm và một đầu kích thước 26cm x 10cm.

- 01 chiếc xe mô tô Biển kiểm soát: 89H1 - 0796 do Bùi Đăng V đứng tên giấy đăng ký.

Trong giai đoạn điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Hồng xác định chiếc xe mô tô Biển kiểm soát: 89H1 - 0796 do Bùi Đăng V đứng tên, nhưng bị cáo B mua lại của người lạ (không biết tên và địa chỉ), giá 2.500.000 đồng. Qua ủy thác điều tra được biết Bùi Đăng V, ngụ xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên không có mặt ở địa phương nên không tiến hành làm việc được, nên trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 89H1 – 0796, giấy đăng ký xe mang tên Bùi Đăng V và 01 cây cốt của máy xe cắt lúa (có đặc điểm như đã nêu trên) cho bị cáo B quản lý, sử dụng.

Tại Cáo trạng số 03/CT-VKSTH ngày 08 tháng 5 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp đã truy tố Trần Văn B về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trần Văn B thừa nhận toàn bộ hành vi của bị cáo như nội dung Cáo trạng truy tố. Bị cáo thừa nhận hành vi của bị cáo là có lỗi và vi phạm pháp luật. Đồng thời bị cáo B đã tự nguyện bồi thường thiệt hại số tiền 1.000.000 đồng cho người đại diện hợp pháp của bị hại là chị Ngô Thị P, hai bên đã giao nhận xong có làm biên nhận ghi ngày 07- 6-2018.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Thị M là chị Ngô Thị P (con bà M) trình bày xin Hội đồng xét xử miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Trần Văn B, và tự nguyện nhận số tiền 1.000.000 đồng do bị cáo B bồi thường thiệt hại, hai bên đã giao nhận xong có làm biên nhận ghi ngày 07-6-2018. Ngoài ra không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản tiền nào khác.

Tại phần luận tội, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Văn B về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Về các tình tiết giảm nhẹ, do tại phiên tòa bị cáo có khắc phục bồi thường thiệt hại 1.000.000 đồng cho người đại diện hợp pháp của bị hại, Kiểm sát viên đề nghị Tòa án áp dụng tại các điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vì người đại diện hợp pháp của bị hại xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo và bị cáo thành khẩn khai báo nên đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự xử dưới khung hình phạt cho bị cáo. Từ đó, Kiểm sát viên đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ: 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại là chị Ngô Thị P (con bà M) nhận 1.000.000 đồng do bị cáo Trần Văn B bồi thường, không có yêu cầu bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự gì thêm nên không xem xét giải quyết. Về vật chứng, Kiểm sát viên đề nghị trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 89H1 – 0796, giấy đăng ký xe mang tên Bùi Đăng V và 01 cây cốt của máy xe cắt lúa (có đặc điểm như đã nêu trên) cho bị cáo quản lý, sử dụng.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại không tham gia tranh luận.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và có lời xin lỗi gia đình bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi vi phạm của bị cáo Trần Văn B xảy ra ở thời điểm mà Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) (sau đây viết tắt là Bộ luật hình sự năm 1999) vẫn còn hiệu lực. Bị cáo B bị khởi tố, truy tố theo điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999 về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" có khung hình phạt bằng với điểm a khoản 2 Điều 260 (Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ) của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (sau đây viết tắt là Bộ luật hình sự năm 2015), nhưng xét về tổng thể thì tội quy định tại Điều 202 của Bộ luật hình sự năm 1999 nhẹ hơn tội quy định tại Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, việc bị cáo Trần Văn B bị khởi tố, truy tố và xét xử theo điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13. Đối với hành vi, quyết định tố tụng về những vấn đề khác của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Hồng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, Kiểm sát viên trong quá trình tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo Trần Văn B phù hợp với nội dung Cáo trạng truy tố, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện, biên bản khám nghiệm tử thi, kết luận giám định, lời khai của những người tham gia tố tụng khác và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, qua tranh tụng đã đủ cơ sở kết luận vào khoảng 06 giờ 20 phút ngày 04-10-2017, bị cáo Trần Văn B không có giấy phép lái xe nhưng đã điều khiển xe mô tô biển số 89H1 - 0796 (dung tích xi lanh 100cm^3) phía sau có chở một cây cốt của máy xe cắt lúa (thanh kim loại màu nâu), thiếu chú ý quan sát, khi phát hiện bà Lê Thị M đang đi bộ qua đường cách xe bị cáo chạy khoảng 20 mét, lúc này bị cáo tiếp tục điều khiển xe chạy về phía trước nên cây cốt của máy xe cắt lúa trúng vào mông bên phải bà M, hậu quả làm cho bà M té ngã xuống đường dẫn đến tử vong. Trong trường hợp này, hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 9 Điều 8, khoản 4 Điều 11 và khoản 1 Điều 58 Luật giao thông đường bộ.

[3] Khi thực hiện hành vi vi phạm, bị cáo là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi, tuy hành vi của bị cáo xuất phát từ lỗi vô ý nhưng hậu quả do hành vi vi phạm mà bị cáo gây ra đã làm cho bà M tử vong. Từ những phân tích trên, đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo cấu thành tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999.

[4] Xét thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến an toàn công cộng, gây đau thương, mất mát cho gia đình bị hại, gây lo lắng cho nhiều người khi tham gia giao thông, vì vậy cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật. Tuy

nhiên, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã đem tiền bồi thường cho gia đình bị hại 5.000.000 đồng, nhưng đại diện gia đình bị hại từ chối không nhận lý do thấy gia đình bị cáo quá nghèo, nhưng tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại có nhận số tiền 1.000.000 đồng của bị cáo bồi thường. Trong quá trình điều tra và qua tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo. Vì vậy, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Mặc khác, bà Ngô Thị P là người đại diện hợp pháp của bị hại xin Hội đồng xét xử miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo, gia đình bị cáo quá nghèo, kinh tế gặp khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, nên đây được coi là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy nghĩ nên áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án dưới khung hình phạt mà bị cáo đã vi phạm là phù hợp. Xét thấy, mức hình phạt như vậy cũng đủ để trừng trị, giáo dục và răn đe bị cáo và thể hiện được chính sách khoan hồng của pháp luật hình sự nước ta.

[5] Về trách nhiệm dân sự, do không có yêu cầu trong vụ án nên không xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng, Hội đồng xét xử xét thấy phải trả lại 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 89H1 – 0796, giấy đăng ký xe mang tên Bùi Đăng V, vì có giấy tờ hợp pháp và 01 cây cốt của máy xe cắt lúa cho bị cáo quản lý, sử dụng.

[7] Về án phí: Bị cáo Trần Văn B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Xét thấy phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh của bị cáo, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng là đúng quy định pháp luật. Riêng về hình phạt đối với bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị mức án tù từ: 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng, nhưng Hội đồng xét xử xét thấy xử phạt bị cáo mức án ở mức thấp nhất của Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp với mức hình phạt mà bị cáo đã vi phạm, lý do đã được Hội đồng xét xử phân tích ở phần trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 202; các điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tuyên bố bị cáo Trần Văn B phạm tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ".

Xử phạt bị cáo Trần Văn B 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ đi những ngày tạm giam từ ngày 30-01-2018, đến ngày 12-02-2018.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Giao trả lại 01 (Một) chiếc xe mô tô Biển kiểm soát: 89H1 - 0796 do Bùi Đăng V đứng tên giấy đăng ký và 01 (Một) cây cốt của máy xe cắt lúa (thanh kim loại màu nâu) dài 73cm, một đầu có kích thước 04cm x 05cm và một đầu kích thước 26cm x 10cm cho bị cáo Trần Văn B.

(Vật chứng nêu trên hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng đang quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 09-5-2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Hồng và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Văn B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07-6-2018).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND tỉnh ĐT;
- Sở Tư pháp tỉnh ĐT;
- VKSND huyện Tân Hồng, tỉnh ĐT;
- Cơ quan CSĐT CA Tân Hồng, ĐT;
- Cơ quan THAHS CA Tân Hồng, ĐT;
- CC THADS huyện Tân Hồng, tỉnh ĐT;
- Bị cáo; Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Tựu